

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

***BÁO CÁO ĐỒ ÁN***

**CƠ SỞ NGÀNH MẠNG**

***Đà Nẵng, 12/2020***

***Đà Nẵng, 12/2018***

***Đà Nẵng, 12/2018***

**Nhận xét của giáo viên hướng dẫn**

Nhận xét:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Điểm (bằng số ) : ……

Điểm (bằng chữ ):……………………………………………………………………….

Ký xác nhận

**MỤC LỤC**

[**MỤC LỤC** 2](#_Toc59522435)

[**LỜI CẢM ƠN** 3](#_Toc59522436)

[**TÓM TẮT ĐỒ ÁN** 4](#_Toc59522437)

[**PHẦN I: NGUYÊN LÝ HỆ ĐIỀU HÀNH**: 4](#_Toc59522438)

[**I.** **TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI.** 4](#_Toc59522439)

[**1.** **Bối cảnh và lý do chọn đề tài.** 4](#_Toc59522440)

[**II.** **CƠ SỞ LÝ THUYẾT.** 5](#_Toc59522441)

[**1.** **Giới thiệu về Deadlock.** 5](#_Toc59522442)

[**2.** **Thuật toán nhà băng của Dijsktra.** 6](#_Toc59522443)

[**III.** **THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH .** 7](#_Toc59522444)

[**1.** **Phân tích yêu cầu.** 7](#_Toc59522445)

[**2.** **Xây dựng chương trình.** 8](#_Toc59522446)

[**3.** **Kết quả thử nghiệm.** 8](#_Toc59522447)

[**IV.** **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ.** 10](#_Toc59522448)

[**1.** **Hạn chế của thuật toán.** 10](#_Toc59522449)

[**2.** **Kết luận.** 10](#_Toc59522450)

[**PHẦN II: LẬP TRÌNH MẠNG.** 11](#_Toc59522451)

[**I.** **CƠ SỞ LÝ THUYẾT.** 11](#_Toc59522452)

[**1.** **Giao thức TCP/IP.** 11](#_Toc59522453)

[**2.** **Lập trình Socket và cổng port.** 13](#_Toc59522454)

[**3.** **Mô hình Client/Server.** 14](#_Toc59522455)

[**II.** **PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG.** 15](#_Toc59522456)

[**1.** **Phân tích yêu cầu.** 15](#_Toc59522457)

[**2.** **Phân tích hệ thống.** 17](#_Toc59522458)

[**3.** **Kết quả.** 17](#_Toc59522459)

[**III.** **KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN** 17](#_Toc59522460)

[**1.** **Kết luận** 17](#_Toc59522461)

[**2.** **Hướng phát triển** 17](#_Toc59522462)

[**TÀI LIỆU THAM KHẢO** 18](#_Toc59522463)

**LỜI CẢM ƠN**

Trên thực tế không có sự thành công nào mà không gắn liền với những sự hỗ trợ giúp đỡ dù ít hay nhiều, dù trực tiếp hay gián tiếp của người khác. Trong suốt thời gian thực hiện đề tài, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của quý thầy/cô, gia đình và bạn bè.  
 Với lòng biết ơn sâu sắc chúng em xin gửi đến quý thầy cô ở khoa Công nghệ thông tin đã cùng với tri thức và tâm huyết của mình truyền đạt vốn kiến thức quý báu cho em. Và đặc biệt trong học kỳ này, khoa đã giúp cho em tiếp cận được với môi trường làm việc thực tế thông qua học phần “Đồ án cơ sở ngành mạng”. Để hoàn thành được đồ án môn học này, em xin chân thành cảm ơn đến Cô Trần Hồ Thủy Tiên đã tận tình giúp đỡ em trong suốt thời gian làm đồ án. Sự thành công của môn học này chính là nhờ sự đóng góp công sức không hề nhỏ của thầy/cô. Trong quá trình hoàn thành công việc, em không thể tránh được sai sót. Vậy nên, em rất mong quý thầy/cô thông cảm cho những sai sót ấy và ghi nhận những gì em đã làm được.

Một lần nữa, em xin cảm ơn quý thầy/cô đã bỏ ra thời gian quý báu của mình để thông qua đồ án Cơ sở ngành mạng của em.

Sau cùng, em xin kính chúc quý thầy/cô thật dồi dào sức khỏe, niềm tin để tiếp tục thực hiện sứ mệnh cao đẹp của mình là truyền đạt kiến thức cho thế hệ mai sau.

Xin chân thành cảm ơn!

*Đà Nẵng*, ngày 19 tháng 12 năm 2020

**Sinh viên thực hiện**

***Nhóm 6:***

***Trương Quang Hùng***

***Đoàn Văn Hoàng***

**TÓM TẮT ĐỒ ÁN**

Đồ án Cơ sở ngành Mạng của nhóm em gồm 2 phần:

**PHẦN I: NGUYÊN LÝ HỆ ĐIỀU HÀNH**.

* **Chương trình mô phỏng giải thuật nhà băng của Dijsktra để tránh deadlock**

**PHẦN II: LẬP TRÌNH MẠNG** :

* **Xây dựng chương trình chơi cờ Đam (Checker) với giao thức TCP/IP.**

# **PHẦN I: NGUYÊN LÝ HỆ ĐIỀU HÀNH**:

1. **TỔNG QUAN VỀ ĐỀ TÀI.**
2. **Bối cảnh và lý do chọn đề tài.**

Hệ điều hành (Operating System - OS) là chương trình quản lý phần cứng và các tài nguyên phần mềm trên máy tính. Hệ điều hành đóng vai trò trung gian trong việc giao tiếp giữa người sử dụng và phần cứng máy tính, cung cấp một môi trường cho phép người sử dụng phát triển và thực hiện các ứng dụng của họ một cách dễ dàng.

Trong môi trường xử lý đa chương, nhiều quá trình được xử lý đồng thời để tối ưu hóa việc sử dụng CPU. Một quá trình yêu cầu tài nguyên, nếu tài nguyên không sẵn có thì quá trình đi vào trạng thái chờ. Nếu tài nguyên này bị giữ bởi những trạng thái chờ khác thì quá trình đó sẽ bị khóa chết (gọi là deadlock).

Đối với một hệ thống lớn, bao gồm nhiều quá trình, chương trình đa luồng, nhiều tài nguyên thì giải quyết deadlock thực sự là một vấn đề rất quan trọng và không thể bỏ qua. Muốn giải quyết được Deadlock cần nắm vững kiến thức về lý thuyết của hệ điều hành và các giải thuật liên quan. Do đó, khi xử lý thành công Deadlock, chúng ta sẽ hiểu cặn kẽ môn học Nguyên Lý Hệ Điều Hành.

**Mục tiêu của đề tài:**

* Hiểu mô hình hệ thống về deadlock.
* Hiểu các đặc điểm của deadlock.
* Hiểu các phương pháp quản lý deadlock.
* Hiểu cách ngăn chặn deadlock.
* Hiểu cách tránh deadlock.
* Hiểu cách phát hiện deadlock.
* Hiểu cách phục hồi từ deadlock.

**Yêu cầu của đề tài:**

* Tìm hiểu Deadlock.
* Trình bày thuật toán Banker.
* Xây dựng chương trình và kết quả demo.
* Ngôn ngữ dùng để viết chương trình: java.

1. **CƠ SỞ LÝ THUYẾT.**
2. **Giới thiệu về Deadlock.**
   1. **Tiến trình.**
      1. **Định nghĩa.**

* Tiến trình (process) là trạng thái tức thời của một chương trình đang chạy trên máy tính. Nó bao gồm bộ nhớ cần thiết để chạy chương trình (không gian địa chỉ của tiến trình) và khả năng kiểm soát hiện trạng của bộ xử lý trong tiến trình thực thi chương trình.
* Được xem là đơn vị làm việc trong các hệ điều hành.
* Là một thực thể chủ động, khác với chương trình là một thể bị động.
  1. **Deadlock**
     1. **Giới thiệu.**
* Trong quá trình lập lịch tiến trình, quá trình chờ của các tiến trình có thể không bao giờ chuyển trạng thái trở lại vì tài nguyên chúng yêu cầu bị giữ bởi những tiến trình đang chờ khác. Trường hợp này được gọi là deadlock.
  + 1. **Đặc điểm của Deadlock.**

**Những điều kiện cần thiết gây ra deadlock:**

Trường hợp deadlock có thể phát sinh nếu bốn điều kiện sau xảy ra cùng một lúc trong hệ thống:

1. *Loại trừ hỗ tương:* ít nhất một tài nguyên phải được giữ trong chế độ không chia sẻ; nghĩa là, chỉ một quá trình tại cùng một thời điểm có thể sử dụng tài nguyên. Nếu một quá trình khác yêu cầu tài nguyên đó, quá trình yêu cầu phải tạm dừng cho đến khi tài nguyên được giải phóng.
2. *Giữ và chờ cấp thêm tài nguyên:* quá trình phải đang giữ ít nhất một tài nguyên và đang chờ để nhận tài nguyên thêm mà hiện đang được giữ bởi quá trình khác.
3. *Không đòi lại tài nguyên từ quá trình đang giữ chúng:* Các tài nguyên không thể bị đòi lại; nghĩa là, tài nguyên có thể được giải phóng chỉ tự ý bởi quá trình đang giữ nó, sau khi quá trình đó hoàn thành tác vụ.
4. *Tồn tại chu trình trong đồ thị cấp phát tài nguyên:* một tập hợp các quá trình {P0, P1,…,Pn} đang chờ mà trong đó P0 đang chờ một tài nguyên được giữ bởi P1, P1 đang chờ tài nguyên đang giữ bởi P2,…,Pn-1 đang chờ tài nguyên đang được giữ bởi quá trình P0.

* Chúng ta nhấn mạnh rằng tất cả bốn điều kiện phải cùng phát sinh để deadlock xảy ra. Điều kiện chờ đợi chương trình đưa đến điều kiện giữ-và-chờ vì thế bốn điều kiện không hoàn toàn độc lập.
  1. **Các phương pháp xử lý Deadlock.**
* Có 3 cách giải quyết deadlock cơ bản, đó là:

1. Chúng ta có thể sử dụng một giao thức để ngăn chặn hay tránh deadlocks, đảm bảo rằng hệ thống sẽ không bao giờ đi vào trạng thái deadlock .
2. Chúng ta có thể cho phép hệ thống đi vào trạng thái deadlock, phát hiện nó và phục hồi.
3. Chúng ta có thể bỏ qua hoàn toàn vấn đề này và giả vờ deadlock không bao giờ xảy ra trong hệ thống. Giải pháp này được dùng trong nhiều hệ điều hành, kể cả UNIX.

* Ở đề tài này sẽ chỉ nói về các thuật toán tránh deadlock và chi tiết về thuật toán nhà băng của Dijsktra.

1. **Thuật toán nhà băng của Dijsktra.**
   1. **Giới thiệu.**

* Là một thuật toán cấp phát tài nguyên và tránh deadlock được phát triển bởi Dijsktra.
* Áp dụng cho hệ thống có nhiều loại tài nguyên.
* Thuật toán kiểm tra trạng thái an toàn bằng cách mô phông phỏng việc cấp phát lượng tối đa có thể của tất cả các loại tài nguyên được xác định trước, sau đó kiểm tra trạng thái an toàn xem điều kiện xảy ra deadlock của tất cả các tiến trình đang yêu cầu tài nguyên có thể xảy ra không. Sau đó dựa vào trạng thái an toàn hay không để quyết định việc cấp phát tài nguyên.
  1. **Cấu trúc dữ liệu.**
* Nhiều cấu trúc dữ liệu phải được duy trì để cài đặt giải thuật Banker. Những cấu trúc dữ liệu này mã hoá trạng thái của hệ thống cấp phát tài nguyên. Gọi n là số quá trình trong hệ thống và m là số loại tài nguyên trong hệ thống. Chúng ta cần các cấu trúc dữ liệu sau:
* **Available**: một vector có chiều dài r hiển thị số lượng tài nguyên sẳn dùng của mỗi loại. Nếu Available[j] = k, có k thể hiện của loại tài nguyên Rj sẳn dùng.
* **Max**: một ma trận p x r định nghĩa số lượng tối đa yêu cầu của mỗi quá trình. Nếu Max[i][j] = k, thì quá trình Pi có thể yêu cầu nhiều nhất k thể hiện của loại tài nguyên Rj.
* **Allocation**: một ma trận p x r định nghĩa số lượng tài nguyên của mỗi loại hiện được cấp tới mỗi quá trình. Nếu Allocation[i][j] = k, thì quá trình Pi hiện được cấp k thể hiện của loại tài nguyên Rj.
* **Need**: một ma trận p x r hiển thị yêu cầu tài nguyên còn lại của mỗi quá trình. Nếu Need[i][j] = k, thì quá trình Pi có thể cần thêm k thể hiện của loại tài nguyên Rj để hoàn thành tác vụ của nó. Chú ý rằng, Need[i][j] = Max[i][j] – Allocation[i][j].
  1. **Thuật toán kiểm tra an toàn.**
* Giải thuật để xác định hệ thống ở trạng thái an toàn hay không có thể được mô tả như sau:

**Bước 1:** Gọi Work và Finish là các vector có chiều dài m và n tương ứng. Khởi tạo Work:=Available và Finish[i]:=false cho i = 1, 2, …,n.

**Bước 2:** Tìm i thỏa:

a) Finish[i] = false

b) Need[i] ≤ Work. Nếu không có i nào thỏa, di chuyển tới bước 4

**Bước 3:** Work:=Work + Allocation i Finish[i] := true Di chuyển về bước 2.

**Bước 4:** Nếu Finish[i] = true cho tất cả i, thì hệ thống đang ở trạng thái an toàn. Giải thuật này có thể yêu cầu độ phức tạp m x n2 thao tác để quyết định trạng thái là an toàn hay không.

* 1. **Thuật toán yêu cầu tài nguyên.**
* Cho Request[i] là vector yêu cầu cho quá trình Pi. Nếu Request[i][j] = k, thì quá trình Pi muốn k thể hiện của loại tài nguyên Rj. Khi một yêu cầu tài nguyên được thực hiện bởi quá trình Pi, thì các hoạt động sau được thực hiện:

**Bước 1:** Nếu Request[i] ≤ Needi, di chuyển tới bước 2. Ngược lại, phát sinh một điều kiện lỗi vì quá trình vượt quá yêu cầu tối đa của nó.

**Bước 2:** Nếu Request[i] ≤ Available, di chuyển tới bước 3. Ngược lại, Pi phải chờ vì tài nguyên không sẳn có.

**Bước 3:** Giả sử hệ thống cấp phát các tài nguyên được yêu cầu tới quá trình Pi bằng cách thay đổi trạng thái sau:

Available = Available – Request[i];

Allocation[i] = Allocation[i] + Request[i];

Need[i] = Need[i] – Request[i];

Nếu kết quả trạng thái cấp phát tài nguyên là an toàn, thì giao dịch được hoàn thành và quá trình Pi được cấp phát tài nguyên của nó. Tuy nhiên, nếu trạng thái mới là không an toàn, thì Pi phải chờ Request[i] và trạng thái cấp phát tài nguyên cũ được phục hồi.

1. **THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH .**
2. **Phân tích yêu cầu.**

Bài toán đặt ra.

Số lượng các nguồn tài nguyên, các yêu cầu của hệ thống được tạo ngẫu nhiên

Output: Kiểm tra trạng thái an toàn của tiến trình khi yêu cầu tài nguyên, nếu an toàn thì cấp phát tài nguyên và tiếp tục yêu cầu cho đến khi các tiến trình hoàn tất.

* p: Số tiến trình
* r: Số tài nguyên

### **Xây dựng chương trình.**

**2.1 Các biến, hàm sử dụng trong chương trình**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàm, biến** | **Chức năng** |
| 1 | Alloc[][] | Mảng Allocation chứa tài nguyên đã cấp phát |
| 2 | Max[][] | Mảng Max chứa tài nguyên tối đa mà các tiến trình yêu cầu |
| 3 | Need[][] | Mảng Need chứa tài nguyên mà các tiến trình cần để hoàn thành |
| 4 | Available[] | Mảng Available chứa tổng số tài nguyên có sẵn |
| 5 | R | Số tài nguyên |
| 6 | P | Số tiến trình |
| 7 | CreateData() | Khởi tạo dữ liệu ban đầu |
| 8 | PrintData() | Hiển thị dự liệu khởi tạo ra màn hình Console |
| 9 | Update\_Q(int k) | Cập nhật lại tài nguyên sau khi 1 tiến trình hoàn thành |
| 10 | RunProcessor() | Khỏi chạy hệ thông |

1. **Kết quả thử nghiệm.**

* **Hệ thống an toàn:**



Hình 1: Kết quả kiểm tra hệ thống an toàn.

* **Hệ thống không an toàn.**



Hình 2: Kết quả kiểm tra hệ thống không an toàn với không tiến trình nào thực thi.



Hình 3: Kết quả kiểm tra hệ thống không an toàn.

1. **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ.**
2. **Hạn chế của thuật toán.**

* Thuật toán banker xuất phát từ giả thiết số tài nguyên là cố định. Nhưng bởi vì các tài nguyên không thể làm việc mãi (ví dụ dừng lại để bảo dưỡng) do đó chúng ta không thể cho rằng số lượng tài nguyên là cố định.
* Thuật toán đòi hỏi rằng số người dùng là không đổi. Yêu cầu đó cũng không thực tế, vì trong các hệ đa chương trình, số lượng người dùng luôn thay đổi.
* Cũng như thế, thuật toán đòi hỏi người dùng phải trả lại các tài nguyên được cấp, sau một khoảng thời gian nào đó- và trong thực tế cũng cần các chỉ số cụ thể.
* Thuật toán yêu cầu người dùng phải báo trước số lượng lớn nhất tài nguyên anh ta cần. Nhưng sự phân phối tài nguyên ngày càng phải linh động, và do đó càng khó đánh giá yêu cầu lớn nhất. Vì máy tính ngày càng thân thiện với người dùng nên sẽ ngày càng nhiều người dùng không có hình dung chính xác về số tài nguyên lớn nhất mà anh ta sẽ cần, thay vào đó khi nào cần tài nguyên người dùng mới yêu cầu.

1. **Kết luận.**

Thưc hiện đề tài mô phỏng thành công thuật toán Banker để tránh Deadlock, hiểu rõ hơn cách mà hệ điều hành quản lí phần cứng và các tài nguyên phần mềm trên máy tính, qua đó đã giúp chúng ta hiểu cặn kẽ hơn về môn học Nguyên Lí Hệ Điều Hành.

# **PHẦN II: LẬP TRÌNH MẠNG.**

**ĐỀ TÀI: Xây dựng chương trình chơi cờ Đam (Checker) với giao thức TCP/IP.**

1. **CƠ SỞ LÝ THUYẾT.**
2. **Giao thức TCP/IP.**
   1. **Tổng quan.**

TCP/IP là bộ giao thức cho phép kết nối các hệ thống mạng không đồng nhất với nhau. Ngày nay TCP/IP được sử dụng rộng rãi trong mạng cục bộ cũng như mạng toàn cầu. TCP/IP được xem như giản lược của mô hình tham chiếu OSI với 4 tầng như sau: o Tầng Liên Kết (Datalink Layer) o Tầng Mạng (Internet Layer) o Tầng Giao Vận (Transport Layer) o Tầng Ứng Dụng (Application Layer).

**Tầng liên kết:**Tầng liên kết (còn được gọi là tầng liên kết dữ liệu hay tầng giao tiếp mạng) là tầng thấp nhất trong mô hình TCP/IP, bao gồm các thiết bị giao tiếp mạng và các chương trình cung cấp các thông tin cần thiết để có thể hoạt động, truy nhập đường truyền vật lý qua các thiết bị giao tiếp mạng đó.

**Tầng Internet:** Tầng Internet ( hay còn gọi là tầng Mạng) xử lý quá trình truyền gói tin trên mạng, các giao thức của tầng này bao gồm : IP ( Internet Protocol) , ICMP ( Internet Control Message Protocol) , IGMP ( Internet Group Message Protocol ).

**Tầng giao vận:** Tầng giao vận phụ trách luồng dữ liệu giữa 2 trạm thực hiện các ứng dụng của tầng trên, tầng này có 2 giao thức chính là TCP ( Transmisson Control Protocol) và UDP ( User Datagram Protocol ) - TCP cung cấp luồng dữ liệu tin cậy giữa 2 trạm, nó sử dụng các cơ chế như chia nhỏ các gói tin ở tầng trên thành các gói tin có kích thước thích hợp cho tầng mạng bên dưới, báo nhận gói tin, đặt hạn chế thời gian timeout để đảm bảo bên nhân biết được các gói tin đã gửi đi. Do tầng này đảm bảo tính tin cậy nên tầng trên sẽ không cần quan tâm đến nữa - UDP cung cấp một dịch vụ rất đơn giản hơn cho tầng ứng dụng . Nó chỉ gửi dữ liệu từ trạm này tới trạm kia mà không đảm bảo các gói tin đến được tới đích. Các cơ chế đảm bảo độ tin cậy được thực hiện bởi tầng trên Tầng ứng dụng.

**Tầng ứng dụng** là tầng trên của mô hình TCP/IP bao gồm các tiến trình và các ứng dụng cung cấp cho người sử dụng để truy cập mạng. Có rất nhiều ứng dụng được cung cấp trong tầng này , mà phổ biến là Telnet: sử dụng trong việc truy cập mạng từ xa, FTP ( File Transport Protocol ) dịch vụ truyền tệp tin., EMAIL : dịch vụ truyền thư tín điện tử. WWW ( Word Wide Web ).

* 1. **Phương thức hoạt động của bộ giao thức TCP/IP.**



Cũng tương tự như trong mô hình OSI, khi truyền dữ liệu , quá trình tiến hành từ tầng trên xuống tầng dưới, qua mỗi tầng dữ liệu được them vào thông tin điều khiển gọi là Header. Khi nhận dữ liệu thì quá trình xảy ra ngược lại. dữ liệu được truyền từ tấng dưới lên và qua mỗi tầng thì phần header tương ứng sẽ được lấy đi và khi đến tầng trên cùng thì dữ liệu không còn phần header nữa.



Hình trên cho ta thấy lược đồ dữ liệu qua các tầng.. Trong hình ta thấy tại các tầng khác nhau dữ liệu được mang những thuật ngữ khác nhau

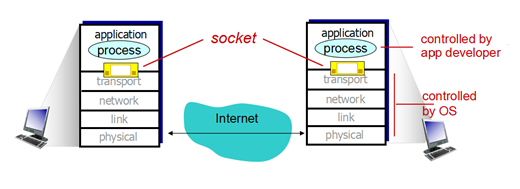
* Trong tầng ứng dụng: dữ liệu là các luồng được gọi là stream.
* Trong tầng giao vận: đơn vị dữ liệu mà TCP gửi xuống gọi là TCP segment.
* Trong tầng mạng, dữ liệu mà IP gửi xuống tầng dưới gọi là IP Datagram
* Trong tầng liên kết, dữ liệu được truyền đi gọi là frame.

1. **Lập trình Socket và cổng port.**
   1. **Khái niệm socket và cổng port.**
      1. **Socket**

**Socket** là một điểm cuối trong một kết nối giữa hai chương trình đang chạy trên mạng.

Trên quan điểm của người phát triển ứng dụng, ***Socket*** là một phương pháp để thiết lập kết nối truyền thông giữa một chương trình yêu cầu dịch vụ (được gắn nhãn Client) và một chương trình cung cấp dịch vụ (được gắn nhãn là Server) trên mạng hoặc trên cùng một máy tính.

Đối với người lập trình, họ nhìn nhận ***Socket*** như một giao diện nằm giữa tầng ứng dụng và tầng khác trong mô hình mạng OSI có nhiệm vụ thực hiện việc giao tiếp giữa chương trình ứng dụng với các tầng bên dưới của mạng.



Hình 7:Socket

* + 1. **Số hiệu của Socket (cổng port)**

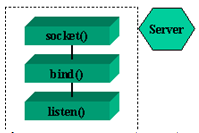
Để có thể thực hiện các cuộc giao tiếp, một trong hai quá trình phải công bố số hiệu cổng socket mà mình sử dụng. Mỗi cổng giao tiếp thể hiện một địa chỉ xác định trong hệ thống.

Số hiệu cổng gán cho socket phải duy nhất trên phạm vi máy tính đó, có giá trị trong khoảng từ 0 đến 65535 (16 bit). Trong thực tế thì các số hiệu cổng từ 0 đến 1023 (gồm có 1024 cổng) đã dành cho các dịch vụ nổi tiếng như: http: 80, telnet: 21, ftp: 23, … Nếu chúng ta không phải là người quản trị thì nên dùng từ cổng 1024 trở lên.

1. **Mô hình Client/Server.**

Mô hình client/server sử dụng socket ở chế độ hướng kết nối TCP

* Giai đoạn 1: Server tạo socket, gán số hiệu cổng và lắng nghe yêu cầu kết nối.



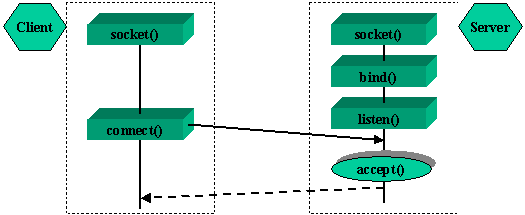
Hình 8 : Mô hình client-server

*-socket()*: Server yêu cầu tạo một socket để có thể sử dụng các dịch vụ của tầng vận chuyển.

- *bind()*: Server yêu cầu gán số hiệu cổng (port) cho socket.

- *listen()*: Server lắng nghe các yêu cầu nối kết từ các client trên cổng đã được gán.

* Giai đoạn 2: Client tạo Socket, yêu cầu thiết lập một nối kết với Server.

****

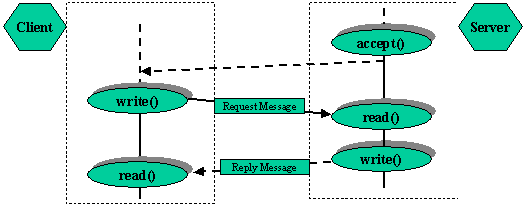
Hình 9:Socket giữa client-server

- *socket()*: Client yêu cầu tạo một socket để có thể sử dụng các dịch vụ của tầng vận chuyển, thông thường hệ thống tự động gán một số hiệu cổng còn rảnh cho socket của Client.

- *connect()*: Client gởi yêu cầu kết nối đến Server có địa chỉ IP và Port xác định.

- *accept()*: Server chấp nhận kết nối của Client, khi đó một kênh giao tiếp ảo được hình thành, Client và Server có thể trao đổi thông tin với nhau thông qua kênh ảo này.

* Giai đoạn 3: Trao đổi thông tin giữa Client và Server



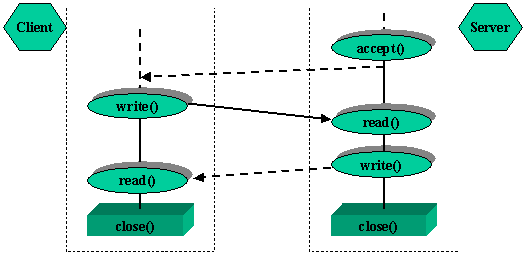
Hình 10:Trao đổi thông tin giữa Client và Server

Sau khi chấp nhận yêu cầu kết nối, thông thường Server thực hiện lệnh *read()* và nghe cho đến khi có thông điệp yêu cầu (Request Message) từ Client gởi đến.

Server phân tích và thực thi yêu cầu. Kết quả sẽ được gởi về client bằng lệnh *write().*

Sau khi gởi yêu cầu bằng lệnh *write()*, client chờ nhận thông điệp kết quả (ReplyMessage) từ Server bằng lệnh *read()*.

* Giai đoạn 4: Kết thúc phiên làm việc.



Hình 11: Kết thúc phiên làm việc

Các câu lệnh read(), write() có thể được thưc hiện nhiều lần (ký hiệu bằng hình ellipse). Kênh ảo sẽ bị xóa khi Server hoặc Client đóng socket bằng lệnh close().

1. **PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG.**
2. **Phân tích yêu cầu.**
   1. **Giới thiệu về cách chơi cờ Đam (checkers).**

* **Bàn cờ :** cờ đam chơi trên mặt bàn cờ 8x8 .
* **Quân cờ :** sẽ bao gồm 24 quân cờ chia làm 2 màu, mỗi bên 12 quân.
* **Cách sắp xếp cờ Đam :**

Đặt bàn cờ Đam ở giữa hai người chơi, đặt hướng bàn cờ sao cho ô cuối cùng bên phải của hàng gần với mỗi người chơi là ô màu Trắng ( hoặc màu sáng hơn).

Mỗi người chơi cần đặt 12 các quân của mình vào 12 ô màu tối ở 3 hàng đầu tiên gần với mình. Mỗi hàng sẽ có tổng cộng 4 quân cờ. Hai hàng ở giữa để trống.

* **Di chuyển quân cờ:**

Người chơi quân đen sẽ đi đầu tiên. Các quân cờ Đam chỉ có thể di chuyển theo đường chéo về phía trước khi bắt đầu trò chơi nếu không bị chặn ở phía trước và phải ở trong các ô tối màu.

Đến lượt chơi của đối thủ, các quân cờ cũng phải di chuyển theo nguyên tắc này.

* **Nhảy và bắt quân đối phương:**

Nếu quân cờ của bạn ở gần với một quân cờ của đối phương theo đường chéo, thì bạn có thể nhảy  và bắt quân của đối phương bằng cách di chuyển hai ô theo hướng có quân đối phương giống như nhảy qua.

Khi quân cờ đối phương bị bắt, bạn có thể bỏ chúng ra khỏi bàn cờ.

* **Một số lưu ý khi nhảy và bắt quân:**

Đó là ô mà bạn nhảy tới phải là một ô trống.

Nếu bạn có cơ hội nhảy qua và bắt đối phương, thì bạn buộc phải thực hiện điều đó.

Nếu bạn có nhiều phương án nhảy, bạn có thể chọn một trong số chúng để thực hiện.

Nếu vị trí bạn nhảy tới lại tạo cho bạn một cơ hội Nhảy và bắt quân thì bạn phải tiếp tục cho đến khi nào không còn bắt được quân nào nữa.

* **Phong cấp Vua cho quân cờ**

Khi quân cờ của bạn đi đến cuối bàn cờ của đối phương thì thì chúng sẽ được phong Vua. Để phong cấp, bạn có đặt một “ vương miện” nào đó của riêng bạn lên quân cờ hoặc đơn giản là trồng thêm một quân cờ khác lên nhằm phân biệt với các quân cờ khác. Quân được phong Vua có thể tiến lên và lùi lại do đó nó sẽ dễ dàng Bắt quân hơn.

Các quân Vua này cũng chỉ di chuyển được 1 ô trên một đường chéo nhưng bù lại trong một lượt đi của mình chúng có thể lùi hoặc tiến liên tục để Bắt quân.

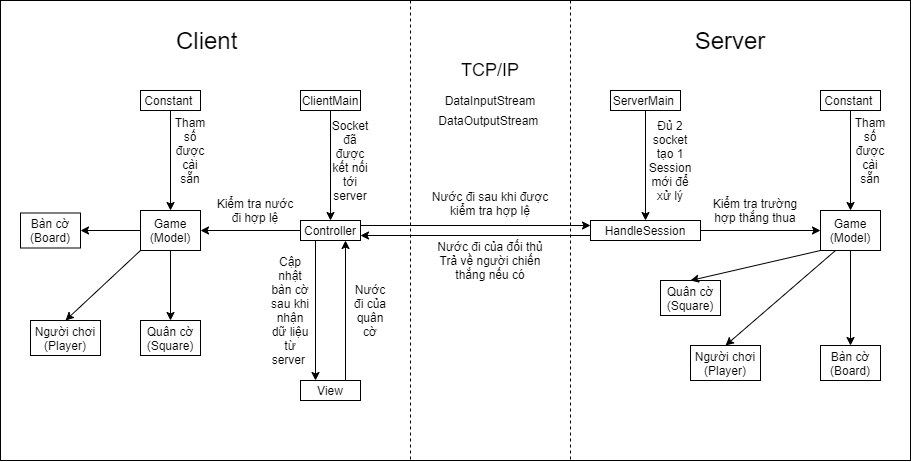
Một số loại cờ Đam có hình vương miện ở mặt sau, do đó bạn chỉ cần lật quân cờ lên là được. Và bạn không bị giới hạn số Vua được phong.

* **Kết thúc ván chơi.**

Tiếp tục các lượt chơi cho đến khi tất cả quân cờ của một bên bị bỏ hết ra khỏi bàn cờ. Khi đó, người còn quân cờ trên bàn duy nhất là người thắng cuộc.

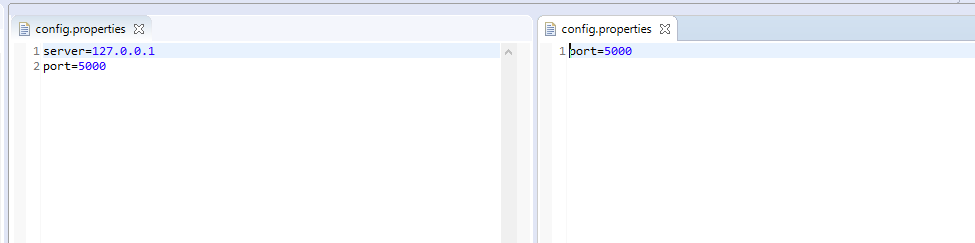
* 1. **Giới thiệu về đánh cờ Đam (checkers) qua mạng LAN.**

Đánh cờ Đam (checkers) qua mạng LAN tức là người chơi sử dụng một chương trình có cài đặt thuật toán cờ Đam như đề cập ở phần giới thiệu trên để chơi với nhau thông qua môi trường mạng.

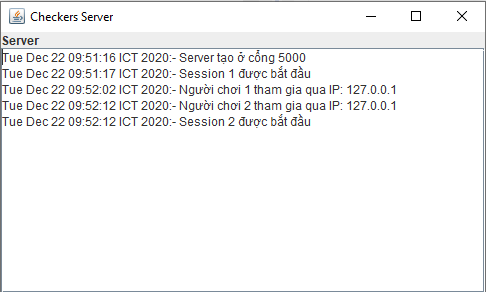
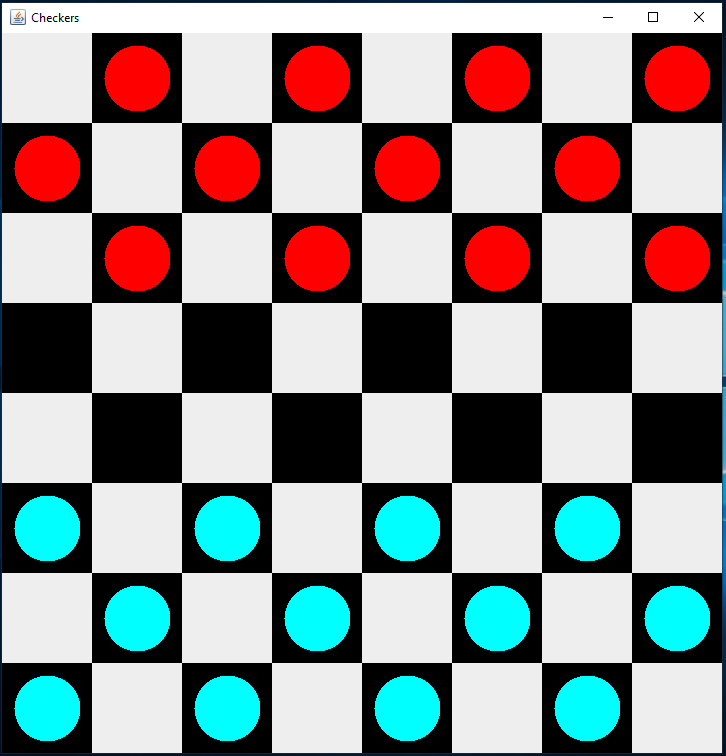
1. **Phân tích hệ thống.**
   1.  **Sơ đồ hệ thống chương trình cờ Đam (checkers).**

Hình 12: Sơ đồ hệ thống chương trình cờ Đam (checkers)

* 1. **Phân tích hệ thống.**
     1. **Giải thích các thành phần hệ thống.**
* Server gồm các thành phần :
* ServerMain: Tạo Server tại cổng có số hiệu được đọc từ file confic.properties, nhận 2 socket mới từ Client rồi gửi cho HandleSession để xử lý.
* HandleSession: Nhận 2 socket từ ServerMain, nhận và gửi dữ liệu qua lại giữa các socket và Model.
* Game (Model): Xử lý dữ liệu từ HandleSession thông qua các Constant được cài sẵn và các Model con như: Quân cờ (Square), Bàn cờ (Board) và Người chơi (Player).
* Client gồm các thành phần :
* ClientMain: Tạo socket kết nối đến Server có địa chỉ IP và cổng port được đọc từ file config.properties, gửi socket cho Controller để xủa lý.
* Controller: Nhận socket từ ClientMain để giao tiếp với Server, giao tiếp với View và Game(Model).
* View: Chứa các hàm xây dựng giao diện người dùng, lấy giá trị từ giao diện để tương tác với Controller.
* Game (Model): Xử lý dữ liệu từ Controller thông qua các Constant được cài sẵn và các Model con như: Quân cờ (Square), Bàn cờ (Board) và Người chơi (Player).
  + 1. **Giải thích mô hình sơ đồ hệ thống.**
    2. **Phân tích mô hình giữu các client.**

1. **Kết quả.**

Hình 13: Địa chỉ ip của Server và cổng port tương ứng được nhập vào 2 file config.properties (Client phía bên trái, Server phía bên phải)

Hình 14: Giao diện của Server

Hình 15: Giao diện của Client

1. **KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN**
2. **Kết luận**

- Thông qua đồ án em có thể hiểu sâu hơn về môn học lập trình mạng.

- Hiểu sâu về mô hình Client / Server.

- Hiểu về mô hình mạng 7 tầng.

- Vận dụng tốt ngôn ngữ lập trình Java và Thread trong Java chuyên nghiệp.

- Hiêu sâu về lập trình với Socket trong Java.

1. **Hướng phát triển**

# **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

I. Hệ điều hành

Bài giảng hệ điều hành

<http://monhoc.vn/tai-lieu/bai-giang-he-dieu-hanh-chuong-6-deadlocks-3368/?fbclid=IwAR26grSKun3Cp7g_ipTMLN0gHV6yLzD2YxpSXy316E8GEhQfwTeVmCWOAdU>

Giáo trình hệ điều hành đại học Cần Thơ

[HTTP://MONHOC.VN/TAI-LIEU/GIAO-TRINH-HE-DIEU-HANH-DAI-HOC-CAN-THO-3266/?FBCLID=IWAR0QQ-RXV0QOUHE2IBSEXLY2AKYNOUVSCNXGZ1IKGKU37K0UHFH1SW200Y0](http://monhoc.vn/tai-lieu/giao-trinh-he-dieu-hanh-dai-hoc-can-tho-3266/?fbclid=IwAR0Qq-Rxv0qoUhe2IBseXly2aKYNOUvScnXGz1IkgKu37k0UhfH1Sw200y0)

II. Lập trình mạng

Java Cryptography Architecture Standard Algorithm Name Documentation for

JDK 8 - Cipher (Encryption) Algorithms:

[https://docs.oracle.com/javase/8/docs/technotes/guides/security/StandardNames](http://vovantrinh_baocaodoanmang.docx)

[.html#Cipher](http://vovantrinh_baocaodoanmang.docx)

SSH - Bách khoa toàn thư mở Wikipedia:

TCP/IP - Bách khoa toàn thư mở Wikipedia:

<https://vi.wikipedia.org/wiki/TCP/IP>

Slides lập trình Socket với TCP – Thầy Mai Văn Hà

**--HẾT--**